

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VỊ THỦY  
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 05/2021/DS-ST.

Ngày: 03/02/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Em.

2. Bà Nguyễn Thị Tua.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thông. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:** Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp 7A1, xã V Th, huyện V T, tỉnh H G, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Bích Ch, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp 1, xã V Th, huyện V T, tỉnh H G, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn B, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp 7A1, xã V Th, huyện V T, tỉnh H G, vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Vào ngày 20/10/2019 (âm lịch) bà Lê Bích Ch có nhờ bà A hỏi giùm số tiền 200.000.000 đồng, trước khi giao tiền cho bà Ch thì bà A có thông qua ông Lê Văn B (cha bà Ch), ông B đứng ra bảo lãnh hứa tháng 02/2020 sẽ trả số tiền trên cho bà A, nhưng kéo dài đến nay bà Ch và ông B không trả số tiền trên cho bà A. Do vậy, bà A yêu cầu ông B bà Ch trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà A.

Tài liệu chứng cứ bà Nguyễn Thị A kèm theo đơn khởi kiện: Biên bản hòa giải ngày 16/6/2020 (bản chính).

Quá trình thu thập chứng cứ:

Bị đơn bà Lê Bích Ch khai: có vay của bà A 200.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền trên cho bà A, không liên quan đến ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B khai: giao dịch giữa bà A và bà Ch không liên quan đến ông B, nên ông B không đồng ý yêu cầu của bà A.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Lê Bích Ch có trách nhiệm trả tiền vay là 200.000.000 đồng.

Bị đơn bà Lê Bích Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị A khởi kiện bà Lê Bích Ch yêu cầu trả tiền vay 200.000.000 đồng, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản,

đây là vụ án dân sự, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn bà Lê Bích Ch tại ấp 1, xã V Th, huyện V T, tỉnh H G, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩ Thủy giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật về thẩm quyền.

[1.2]. Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Bích Ch vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Lê Văn B dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Ch, ông B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Lê Bích Ch và ông Lê Văn B trả tiền vay 200.000.000 đồng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”. Ở đây bà Nguyễn Thị A chứng minh được bà Lê Bích Ch có nợ tiền bằng biên bản hòa giải ngày 16/6/2020 tại bút lục 02, tại bản tự khai bút lục 35 bà Ch cũng thừa nhận có vay của bà A 200.000.000 đồng. Do vậy, xác định bà Lê Bích Ch có vay tiền của bà Nguyễn Thị A là sự thật.

Bà Nguyễn Thị A yêu cầu bà Lê Bích Ch và ông Lê Văn B cùng có trách nhiệm trả tiền vay 200.000.000 đồng. Bà A đã chứng minh được bà Lê Bích Ch có vay tiền, bà Ch cũng đã thừa nhận. Đối với ông Lê Văn B thì không thừa nhận, bà A cũng không chứng minh được ông Lê Văn B có đứng ra bảo lãnh hoặc cam kết trả nợ thay bà Ch. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị A thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Lê Bích Ch trả tiền vay. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà A là tự nguyện, không trái quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Bà Nguyễn Thị A không yêu cầu tính lãi, nên không xem xét.

Từ những nhận định như đã nêu trên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

[2.3]. Án phí dân sự sơ thẩm: buộc đương sự nộp theo Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[3]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Toà chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A.

1. Buộc bà Lê Bích Ch có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền vay là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Lê Bích Ch chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V T, tỉnh H G.

- Bà Nguyễn Thị A được nhận lại 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền tạm ứng án phí nộp ngày 06 tháng 10 năm 2020 theo biên lai số 0003403 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V T, tỉnh H G.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Toà tuyên án. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Thị Tuyết Mai**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Em – Nguyễn Thị Tua**

**Phạm Thị Tuyết Mai**